

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN Q
TỈNH HÀ GIANG**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 01/2021/HNGĐ-ST

Ngày 11/3/2021

" Về việc ly hôn, tranh chấp về nuôi con"

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN Q – TỈNH HÀ GIANG

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có :

+ *Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa* : Ông Cao Danh Nhân

+ *Các Hội thẩm nhân dân* : Ông Mường Văn Y và bà Viên Thị Nguyên

Thư ký phiên tòa: ông Vũ Hữu Toàn – Thư ký tòa án nhân dân huyện Q, tỉnh Hà Giang

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Q, tỉnh Hà Giang tham gia phiên tòa: ông Hồ Lý Xuân- Kiểm sát viên.

Ngày 11 tháng 3 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Q, tỉnh Hà Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 67/2020/TLST-HNGĐ ngày 03 tháng 11 năm 2020 về việc “ly hôn, tranh chấp về nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 01/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 28/01/2021 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Lò Thị X; Sinh năm: 1986;

Địa chỉ: Thôn N, xã Q, huyện Q, tỉnh Hà Giang. Có mặt.

Bị đơn: Anh Giàng Mí S; Sinh năm: 1985.

Địa chỉ: Thôn N, xã Q, huyện Q, tỉnh Hà Giang. Vắng mặt lần 2 không lý do.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện cùng các tài liệu khác trong hồ sơ vụ án và nội dung trình bày tại phiên tòa hôm nay. Chị Lò Thị X là nguyên đơn trình bày như sau:

Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Giàng Mí S ở thôn N, xã Q, còn chị quê ở xã M, huyện V hai người quen nhau từ năm 2002, qua tìm hiểu đến năm 2003 chị về nhà anh S chung sống được 05 tháng, được gia đình hai bên tổ chức lễ cưới và đăng ký kết hôn tại UBND xã Q vào ngày 13/01/2004 trên cơ sở tự nguyện.

Sau khi cưới chị chung sống cùng gia đình nhà chồng và sinh được 02 con chung là cháu Giàng Văn N, sinh ngày 14/01/2004 và Giàng Văn Q, sinh ngày 17/10/2005. Cuộc sống vợ chồng hạnh phúc được một thời gian ngắn thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân từ khi chị sinh con thứ hai được một thời gian thì vợ chồng ra ở riêng, anh S không lo việc gia đình, không giúp chị trong công việc gia đình hàng ngày, thường xuyên uống rượu say chửi đuổi chị ra khỏi nhà, mỗi lần như vậy mẹ chồng chị cũng sang nhà chửi chị anh S không can thiệp được, từ đó vợ chồng không có tình cảm, công việc hàng ngày không có bàn bạc cùng nhau, không có trách nhiệm thương yêu giúp đỡ lẫn nhau làm ảnh hưởng

rất nhiều đến đời sống, tâm lý tình cảm của chị nhưng chị vẫn chịu đựng vì con cái. Khi con thứ hai được 2 tuổi trở đi thì mâu thuẫn xảy ra nhiều hơn, có lần say rượu về đánh chửi gây thương tích. Cứ như vậy nhiều lần, có lần dọa giết chị, đến năm 2018 chị đã bỏ đi về không ở cùng anh S nữa, vợ chồng đã sống ly thân. Hiện tại thấy tình cảm vợ chồng không có cuộc sống hạnh phúc, chị có đơn đề nghị Tòa án giải quyết ly hôn.

Tại phiên tòa hôm nay chị thấy mâu thuẫn đã kéo dài, không thể hàn gắn được, chị giữ nguyên ý kiến theo đơn khởi kiện, đề nghị được ly hôn.

Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung là cháu Giàng Văn N, SN: 14/01/2004 và cháu Giàng Văn Q, SN: 17/10/2005, hiện nay các cháu đang ở với anh S và gia đình bên chồng tại thôn N, xã Q. Khi ly hôn chị X nhất trí anh S là người trực tiếp nuôi dưỡng các cháu, chị không phải cấp dưỡng nuôi con chung. Về tài sản chung, công nợ chung: Không đề nghị giải quyết.

Trong quá trình giải quyết anh Giàng Mí S trình bày ý kiến như sau:

Anh và chị X lấy nhau từ năm 2004, anh ở thôn N, chị Xuân ở xã M, huyện V, do đi chợ quen nhau và tìm hiểu, có tổ chức đám cưới, có đăng ký kết hôn như chị X trình bày là đúng. Tuy nhiên sau khi thành vợ chồng chung sống với nhau có nhiều bất đồng. Sau khi sinh 02 con chung chị X có cách đối xử không đúng mực, công việc đi đâu làm gì cũng không nói với nhau, chị có biểu hiện không tốt với anh, có tình cảm với người khác. Anh thừa nhận khi uống rượu có nói nhiều, có xúc phạm, chửi chị nhiều lần, thậm trí có đánh chị nên chị đã bỏ đi làm thuê không ở cùng anh cho đến nay đã được 3 năm không chung sống cùng nhau. Đến tháng 11/2020 chị về và có đơn ly hôn, anh không nhất trí, nếu chị X quay về anh vẫn chấp nhận đoàn tụ với chị.

Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung là cháu Giàng Văn N, SN: 14/01/2004 và cháu Giàng Văn Q, SN: 17/10/2005, hiện nay các cháu đang ở với anh mặc dù các cháu đã tự đi làm thuê có thu nhập nhưng tôi vẫn có trách nhiệm nuôi dưỡng, giáo dục 02 con đến khi trưởng thành. Về tài sản chung, công nợ chung: Không đề nghị giải quyết.

Tại phiên tòa chị Lò Thị X giữ nguyên yêu cầu ly hôn và cho rằng việc anh S cho rằng chị ngoại tình là không đúng, lúc đó anh uống rượu say về cứ nghi ngờ như vậy.

Tại phiên tòa anh Giàng Mí Sí vắng mặt lần 2 không lý do, không thể hiện ý kiến bổ sung.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Q có ý kiến về thủ tục tố tụng từ khi thụ lý vụ án đến khi xét xử vụ án: Tòa án đã thụ lý đúng thẩm quyền, xác định đúng quan hệ pháp luật đang tranh chấp, Thẩm phán, Hội thẩm nhân dân, thư ký phiên tòa và đương sự đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án.

Về yêu cầu khởi kiện: Xét thấy chị X và anh S có đăng ký kết hôn theo quy định, sau thời gian chung sống anh S, chị X mâu thuẫn trầm trọng, hiện nay cả hai đã sống ly thân, do vậy có căn cứ để chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn được ly hôn với bị đơn. Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự, Điều 39 Bộ luật Dân sự, khoản 1 Điều 6, điểm a khoản 1 Điều 27 Nghị quyết 326/2016 của Quốc Hội. Khoản 1 Điều

51, khoản 1 Điều 56, Điều 81,82,83 Luật Hôn nhân và Gia đình, để chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được ly hôn với bị đơn và giao con chung cho bị đơn nuôi dưỡng, về án phí nguyên đơn phải chịu theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và kết quả tranh luận tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Chị Lò Thị X khởi kiện yêu cầu ly hôn với anh Giàng Mí S đều có nơi cư trú tại huyện Q. Tòa án nhân dân huyện Q thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền quy định. Tại phiên tòa hôm nay anh S vắng mặt lần 2 không lý do, căn cứ khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án.

[2] Về quan hệ hôn nhân giữa chị Lò Thị X và anh Giàng Mí S là hợp pháp, có đăng ký kết hôn vào ngày 13/01/2004 tại UBND xã Q, huyện Q, tỉnh Hà Giang trên cơ sở tự nguyện và đủ các điều kiện kết hôn theo quy định của pháp luật. Sau khi kết hôn vợ chồng có thời gian chung sống tại gia đình nhà chồng, từ khi sinh cháu thứ hai mâu thuẫn ngày càng nhiều và trở nên trầm trọng, nguyên nhân là do vợ chồng có nhiều bất đồng trong quan điểm sống, không tìm được tiếng nói chung, anh S hay rượu chè thường xuyên nên dẫn đến bạo lực gia đình. Hiện nay chị X và anh S cũng đã ly thân được 3 năm, anh Sính mong muốn đoàn tụ nhưng chị X cương quyết không về chung sống, như vậy tình nghĩa vợ chồng không có, mục đích hôn nhân không đạt, do vậy có đủ căn cứ để giải quyết cho chị Lò Thị X được ly hôn anh Giàng Mí S theo Điều 56 Luật hôn nhân và Gia đình.

[3] Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung là cháu Giàng Văn N; giới tính: Nam; Sinh ngày: 14/01/2004 và cháu Giàng Văn Q; Giới tính: Nam; Sinh ngày: 17/10/2005,. Tại giai đoạn giải quyết nếu ly hôn anh là người trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng 02 con chung và cấp dưỡng nuôi con anh S không yêu cầu, chị X cũng đồng ý, phù hợp với nguyện vọng của con chung nên cần giao 02 con chung cho anh S là phù hợp với thực tế và đúng qui định của pháp luật.

[4] Về tài sản chung, công nợ chung: Chị X và anh S không yêu cầu Tòa án giải quyết, do đó Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về án phí: Chị Lò Thị X phải chịu án phí dân sự sơ thẩm ly hôn theo quy định của pháp luật.

QUYẾT ĐỊNH

- Căn cứ vào khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình; khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án. Xử:

- Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Lò Thị X đối với bị đơn anh Giàng Mí S về việc “Ly hôn tranh chấp về nuôi con”.

- Về hôn nhân: Chị Lò Thị X được ly hôn với anh Giàng Mí S.

- Về người nuôi con: Giao cháu Giàng Văn N, SN: 14/01/2004 và cháu Giàng Văn Q, SN: 17/10/2005 cho anh Giàng Mí S trực tiếp nuôi dưỡng, chăm

sóc, giáo dục đến khi các cháu đủ tuổi thành niên hoặc đến khi có quyết định khác của Tòa án, chị Xuân không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền thăm nom con, không ai được cản trở, vì quyền lợi của con chung một trong hai bên có quyền thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc yêu cầu cấp dưỡng nuôi con theo quy định của Luật hôn nhân và gia đình.

- Về án phí: Chị Lò Thị X phải chịu 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) tiền án phí sơ thẩm ly hôn được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Q theo biên lai số 05054 ngày 03/11/2020. Xác nhận chị X đã nộp đủ.

- Căn cứ Điều 271, Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Hà Giang;
- VKSND huyện Q;
- Chi cục THADS huyện Q;
- UBND xã Q;
- Các đương sự;
- Lưu hs.

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán – chủ tọa phiên tòa

Cao Danh Nhân